

Số: /SGDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn triển khai thực
hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-
HĐND

Quảng Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;
- Các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 16/12/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND về Quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025 - 2026 đến năm học 2030 - 2031.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4911/UBND-VHXH ngày 19/12/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND như sau:

I. Chính sách cấp miễn phí sách giáo khoa cho học sinh, học viên theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Xác định theo quy định tại khoản 1, không phân biệt loại hình (công lập, tự thực), nơi đăng ký thường trú (trong tỉnh, ngoài tỉnh) của đối tượng.

2. Về nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, trong đó bộ sách giáo khoa quy định tại khoản này là bộ sách giáo khoa quy định tại Quyết định số 3488/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc.

3. Về lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí

a) Đối với năm học 2026 - 2027:

- Trước ngày 28/02/2026, cơ sở giáo dục tổng hợp số học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) của đơn vị thuộc đối tượng được hưởng chính

sách trong năm học 2026 - 2027, lập dự toán kinh phí mua sách giáo khoa, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp dự toán, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung kinh phí năm 2026;

- Ngay sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán (đối với cơ sở giáo dục công lập) hoặc cấp kinh phí (đối với cơ sở giáo dục tư thục), cơ sở giáo dục tổ chức mua sách giáo khoa theo quy định về mua sắm hàng hóa từ ngân sách nhà nước.

b) Từ năm học 2027 - 2028: Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách, cơ sở giáo dục lập dự toán kinh phí mua bổ sung sách giáo khoa, bao gồm: mua bổ sung nếu số lượng học sinh tăng, thay thế sách giáo khoa cũ đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được (nếu có). Kinh phí đề nghị bổ sung không vượt quá 10% kinh phí mua sắm lần đầu (năm học 2026 - 2027), trường hợp đặc biệt, cơ sở giáo dục báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo. Căn cứ dự toán được giao, cơ sở giáo dục mua sắm bổ sung sách giáo khoa bảo đảm đủ để cấp cho học sinh theo quy định.

Các cơ sở giáo dục được giao kinh phí thực hiện chính sách có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định, tổng hợp trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Về cho mượn, thu hồi sách giáo khoa

- Căn cứ các quy định về quản lý, sử dụng sách, tài liệu của thư viện trường học và điều kiện thực tế, cơ sở giáo dục ban hành Quy chế mượn, trả, sử dụng sách giáo khoa nhằm bảo đảm sách giáo khoa được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, lâu dài, luân chuyển qua nhiều năm học. Một số nội dung cơ bản cần quy định trong Quy chế: sách được dán nhãn, đánh số quản lý; việc mượn - trả và tình trạng sách phải được ghi chép, theo dõi, quản lý bằng sổ sách hoặc phần mềm; học sinh sử dụng sách đúng mục đích học tập, giữ gìn sách sạch sẽ, không viết, vẽ, tẩy xóa, làm rách, làm mất; xử lý đối với các trường hợp sách bị mất, hư hỏng không còn sử dụng được; trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị, giáo viên chủ nhiệm lớp, nhân viên thư viện hoặc cán bộ, giáo viên được phân công phụ trách và học sinh trong việc thực hiện;

- Trong thời gian từ ngày tựu trường đến ngày khai giảng năm học mới, cơ sở giáo dục tổ chức cho mỗi học sinh được mượn miễn phí 01 bộ sách giáo khoa để sử dụng trong năm học. Trường hợp học sinh không có nhu cầu mượn sách giáo khoa hoặc mượn không đủ bộ hoặc mượn trong năm học do sách bị mất hoặc

hư hỏng, giáo viên chủ nhiệm lớp báo cáo lãnh đạo cơ sở giáo dục để thực hiện, bảo đảm mỗi học sinh có đủ 01 bộ sách giáo khoa để phục vụ học tập;

- Trong thời gian từ ngày hoàn thành chương trình đến ngày kết thúc năm học, cơ sở giáo dục tổ chức thu hồi lại sách giáo khoa đã cho mượn; tiến hành kiểm tra tình trạng sách, phục hồi hư hỏng, phân loại sách để tiếp tục cho mượn trong năm học sau. Trường hợp học sinh đề nghị được tiếp tục mượn sách để học tập trong hè, giáo viên chủ nhiệm báo cáo lãnh đạo cơ sở giáo dục để thực hiện, yêu cầu học sinh trả lại trước ngày tựu trường năm học mới.

- Học sinh cuối cấp THCS, THPT được kéo dài thời gian mượn sách giáo khoa cho đến khi kết thúc thời gian ôn luyện.

II. Chính sách hỗ trợ tổ chức ăn trưa, dạy học trong hè cho trẻ em mầm non theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Gồm trẻ em mầm non (công lập, tư thục) và cơ sở giáo dục mầm non công lập quy định tại khoản 1, trong đó:

- Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt danh sách thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; danh sách xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã, phường, đặc khu khu vực I, II, III tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030;

- Xã đảo theo quy định tại Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội hằng tháng gồm: (i) Đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; (ii) Đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 90/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về nội dung hỗ trợ và thời gian được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, trong đó:

- Số lượng định mức hỗ trợ kinh phí chi trả cho nhân viên nấu ăn được tính theo số lượng trẻ em của cả trường thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 và theo tổng số điểm trường (bao gồm cả trường

chính/trung tâm);

Ví dụ 1: Trường mầm non A có 07 điểm trường, tổng số có 540 trẻ em mầm non, trong đó có 517 trẻ em thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND. Số lượng định mức hỗ trợ kinh phí chi trả cho nhân viên nấu ăn là:

$$517 : 45 = 11 + 1 \text{ (dư 22)} + 1 \text{ (07 điểm trường)} = 13$$

Kinh phí hỗ trợ là : $13 \times 4.680.000 = 60.840.000$ đồng/tháng.

Ví dụ 2: Trường mầm non B có 04 điểm trường, tổng số có 540 trẻ em mầm non, trong đó có 514 trẻ em thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND. Số lượng định mức hỗ trợ kinh phí chi trả cho nhân viên nấu ăn là:

$$514 : 45 = 11 + 0 \text{ (dư 19)} + 0 \text{ (04 điểm trường)} = 11$$

Kinh phí hỗ trợ là : $11 \times 4.680.000 = 51.480.000$ đồng/tháng.

- Kinh phí hỗ trợ tổ chức dạy hè tính riêng theo số trẻ mẫu giáo và số trẻ nhà trẻ của cả trường thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1; trường hợp số dư trẻ mẫu giáo nhỏ hơn 15 và số dư trẻ nhà trẻ nhỏ hơn 10 nhưng tổng hai số dư lớn hơn 15 thì được tính thêm 01 định mức;

Ví dụ 3: Trường mầm non C tổ chức dạy hè cho 99 trẻ mẫu giáo và 27 trẻ nhà trẻ thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND. Số lần định mức hỗ trợ kinh phí tổ chức dạy hè là:

$$\text{Đối với mẫu giáo: } 99 : 30 = 3, \text{ dư } 9$$

$$\text{Đối với nhà trẻ: } 27 : 20 = 2, \text{ dư } 7$$

$$\text{Số lượng định mức được hỗ trợ: } 3 + 2 + 1 \text{ (dư 16)} = 6$$

$$\text{Kinh phí hỗ trợ là : } 6 \times 1.125.000 = 6.750.000 \text{ đồng/ngày.}$$

3. Về phương thức thực hiện chính sách

a) Xét duyệt đối tượng hưởng chính sách: Vận dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ. Trong đó, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, xem xét phê duyệt đối tượng được hưởng chính sách, thông báo tới cơ sở giáo dục mầm non để thực hiện công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách và thực hiện chi trả.

b) Phương thức chi trả: Vận dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

4. Về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí

a) Lập dự toán: Vận dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị

định số 277/2025/NĐ-CP. Riêng năm 2026, cơ sở giáo dục lập dự toán kinh phí, gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, gửi Sở Tài chính trước ngày 28/02/2026 để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung kinh phí để thực hiện.

b) Quản lý và quyết toán kinh phí: Vận dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

III. Chính sách hỗ trợ ăn trưa tại trường cho học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5, gồm học sinh tiểu học (công lập, tư thục) và trường phổ thông công lập có cấp tiểu học quy định tại khoản 1 Nghị quyết; trong đó các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết theo hướng dẫn tại *Mục II.1* văn bản này.

2. Về nội dung hỗ trợ và thời gian được hưởng

a) Đối với học sinh: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2, trừ đối tượng học sinh tiểu học thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 339/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2, trong đó việc xác định số lượng định mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn theo hướng dẫn tại *Mục II.2* văn bản này; kinh phí quản lý học sinh xác định như kinh phí phục vụ nấu ăn. Trường hợp cơ sở giáo dục không tổ chức nấu ăn mà hợp đồng với đơn vị khác cung cấp suất ăn thì không được hưởng kinh phí phục vụ nấu ăn, chỉ được hưởng kinh phí quản lý học sinh.

3. Về phương thức thực hiện chính sách và lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí

Vận dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 339/2025/NĐ-CP, đã hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 21/SGDDĐT-KHTC ngày 14/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

IV. Chính sách hỗ trợ tổ chức cho học sinh, học viên ăn ở tập trung và hỗ trợ đưa đón học sinh, học viên đến trường và trở về nhà hằng ngày quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6, trong đó:

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo theo hướng dẫn tại *Mục II.1* văn bản này;

- Khoảng cách từ nhà đến nơi học tập (trường, cơ sở, điểm trường) là chiều dài quãng đường thực tế mà học sinh, học viên đi từ nhà đến nơi học tập;

- Trường hợp khoảng cách từ nhà đến nơi học tập nhỏ hơn khoảng cách quy định nhưng học sinh, học viên phải đi học qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá), cơ sở giáo dục căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh để xác định đối tượng hưởng chính sách.

2. Về nội dung hỗ trợ và thời gian được hưởng

a) Đối với học sinh, học viên: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2, trong đó học sinh, học viên chỉ được hưởng một trong hai chính sách (hỗ trợ ăn ở tập trung hoặc hỗ trợ đưa đón đến trường và trở về nhà hằng ngày) theo điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục và nguyện vọng của học sinh, cha mẹ học sinh.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

- Cơ sở giáo dục tổ chức cho học sinh, học viên ăn ở tập trung: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2, việc xác định số lượng định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí theo hướng dẫn tại Mục III.2.b văn bản này;

- Cơ sở giáo dục có tổ chức đưa đón học sinh, học viên: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2, việc xác định số lượng định mức hỗ trợ tổ chức đưa đón học sinh thực hiện như đối với hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn.

3. Về phương thức thực hiện chính sách

a) Xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách: Vận dụng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. Một số lưu ý trong quá trình triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3426/SGDDĐT-KHTC ngày 20/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Riêng năm học 2025 - 2026, cơ sở giáo dục trình phê duyệt (qua Hệ thống chính quyền điện tử) danh sách học sinh, học viên thuộc đối tượng hưởng chính sách và dự toán kinh phí năm 2026 về Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phân cấp quản lý) để gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung kinh phí trước ngày 28/02/2026.

b) Đối với việc tổ chức cho học sinh, học viên ăn ở tập trung: Vận dụng thực hiện theo quy định đối với trường phổ thông dân tộc bán trú, phổ thông dân tộc nội trú để ban hành các quy định, quy chế để quản lý hoạt động này đảm bảo an toàn cho học sinh, học viên, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

c) Đối với việc tổ chức đưa đón học sinh, học viên:

- Căn cứ số lượng học sinh, học viên, cơ sở giáo dục xây dựng phương án tổ chức đưa đón học sinh (danh sách học sinh đủ điều kiện hưởng chính sách, số tuyến xe, điểm đón - trả, thời gian đưa đón hằng ngày), địa điểm đón - trả phải

gần trường, gần nhà, bảo đảm an toàn và thuận lợi nhất cho học sinh, học viên;

- Cơ sở giáo dục lựa chọn đơn vị vận chuyển theo quy định về đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ; đơn vị được lựa chọn phải có giấy phép kinh doanh vận tải hành khách, xe có đăng kiểm, bảo hiểm, thiết bị an toàn đầy đủ, lái xe đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

- Cơ sở giáo dục xây dựng quy chế quản lý việc tổ chức đưa đón học sinh, học viên, trong đó phân công và giao trách nhiệm cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia quản lý học sinh, quy định đối với học sinh, học viên được đưa đón .. bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh, học viên.

4. Về lập, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

Vận dụng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

V. Chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh, học viên đang học tại cơ sở giáo dục tư thục quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, trong đó đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội hằng tháng, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn tại *Mục II.1* văn bản này.

2. Về nội dung hỗ trợ và thời gian được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2.

3. Về quy trình, thủ tục thực hiện chính sách và lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách

Vận dụng thực hiện như đối với chính sách hỗ trợ học phí cho người học tại cơ sở giáo dục tư thục quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, đã hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 3616/SGDĐT-KHTC ngày 04/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

VI. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, học viên quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, trong đó đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội hằng tháng, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn tại *Mục II.1* văn bản này.

2. Về nội dung hỗ trợ và thời gian được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2.

3. Về quy trình, thủ tục thực hiện chính sách và lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách

Vận dụng thực hiện như đối với chính sách hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, đã hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 3616/SGDDĐT-KHTC ngày 04/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

VII. Chính sách hỗ trợ đưa đón học sinh năng khiếu, vận động viên thể dục, thể thao đến trường và trở về nơi huấn luyện tập trung

1. Về đối tượng và điều kiện được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1.

2. Về nội dung hỗ trợ và thời gian được hưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2.

3. Về phương thức thực hiện tổ chức thực đưa đón học sinh

Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV.3.a và Mục IV.3.c văn bản này.

4. Về lập, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV.4 văn bản này, trong đó Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ninh trình phê duyệt (qua Hệ thống chính quyền điện tử) danh sách học sinh, vận động viên thuộc đối tượng hưởng chính sách và dự toán kinh phí về Sở Văn hóa để gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung kinh phí thực hiện; riêng năm học 2025 - 2026 (đối với danh sách đối tượng) và năm 2026 (đối với dự toán kinh phí) gửi trước ngày 28/02/2026.

Trên đây là hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để giải quyết, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: TC, VH TTDL,
- GD, các PGD Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở GDĐT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn